

Số: 1377 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 14 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
“Đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản (đất san lấp) tại khu vực
Hố Dẫy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 793/TTr-STNMT ngày 12/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản (đất san lấp) tại khu vực Hố Dẫy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH một thành viên Tiền Phương Bắc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khu vực Hố Dẫy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ

¹ Thành lập theo Quyết định số 1261/QĐ-TNMT ngày 06/12/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công thương; UBND huyện Lạng Giang, UBND xã Hương Sơn, Công ty TNHH một thành viên Tiên Phương Bắc và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN (ĐẤT SAN LÁT), TẠI KHU VỰC HỒ DẪY, THÔN KÉP 11,
XÃ HƯƠNG SƠN, HUYỆN LẠNG GIANG TỈNH BẮC GIANG”
(Kèm theo Quyết định số 377 /QĐ-UBND ngày 14 / 12 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: “Đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản (đất san lấp) tại khu vực Hồ Dẫy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”.

- Địa điểm thực hiện: Thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Công ty TNHH một thành viên Tiền Phương Bắc.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* Phạm vi: Khu vực dự án thuộc địa phận thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

* Quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích khu vực khai thác: 07 ha, trong đó:

+ Khu 1 có diện tích 2,4ha;

+ Khu 2 có diện tích 3,0ha;

+ Khu 3 có diện tích 1,6ha.

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 1.388.081 m³

- Công suất khai thác mỏ tối đa: 600.000m³/năm (công suất thay đổi theo kế hoạch khai thác và trữ lượng còn lại của mỏ theo từng năm không vượt quá 600.000 m³/năm)

- Mức sâu kết thúc khai thác: khu 1, khu 2 ở cốt +27m, khu 3 ở cốt +24m.

- Tuổi thọ mỏ: 3 (ba) năm (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ 0,3 năm và thời gian cải tạo phục hồi môi trường 0,3 năm).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nhà văn phòng, tuyến hào mở vỉa, bãi rửa xe; mốc lộ giới, camera giám sát, trạm cân 80 tấn, kho chất thải nguy hại, nhà vệ sinh, thùng chứa rác thải sinh hoạt, xe bồn, hố lắng, rãnh thoát nước,...

- Hoạt động của dự án đầu tư: Đền bù, giải phóng mặt bằng, phát quang bề mặt; xây dựng tuyến hào mở vỉa, san gạt tuyến đường vận chuyển; xây dựng các công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường; tạo diện khai thác đầu tiên; xây

dụng hố lắng, rãnh thoát nước; hoạt động khai thác, vận chuyển đất,...

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Diện tích khu vực khai thác 7 ha. Toàn bộ diện tích đất này là đất rừng sản xuất thuộc quản lý, sử dụng của 34 hộ gia đình, cá nhân tại địa phương được Nhà nước giao đất sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: Phát quang thảm thực vật, vận chuyển cây cối phát quang.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc,....:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc trong phát quang thảm thực vật; từ các phương tiện giao thông vận chuyển cây cối phát quang; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; từ máy móc thi công xúc bốc, san gạt đất tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng tuyến đường hào mở vỉa, hố lắng, rãnh thoát nước.

++ Bụi phát sinh từ hoạt động xúc bốc, đào đắp đất.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công; nước thải từ hoạt động thi công xây dựng và nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; chất thải từ hoạt động phát quang thảm thực vật; từ quá trình san gạt, đào đắp; từ hoạt động xây dựng. Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

+ Các rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ; sự cố sạt lở, sụt lún; sự cố tai nạn lao động; tai nạn giao thông; sự cố do thiên tai,...

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động khai thác, vận chuyển đất và hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tác động tới môi trường:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất san lấp; từ hoạt động của máy xúc.

++ Bụi phát sinh từ mặt đường do các phương tiện vận chuyển trên đường; từ quá trình xúc bốc trên khu vực khai thác.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân; nước mưa chảy tràn trên khai trường; nước thải từ quá trình rửa xe.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân; đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển đất; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình khai thác.

+ Các rủi ro, sự cố như: Sự cố sạt lở; sự cố do thiên tai; sự cố do sụt lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, đường vận chuyển; sự cố tai nạn lao động, sự cố tai nạn giao thông,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công khoảng 2,2 m³/ngày. Các thông số ô nhiễm đặc trưng bao gồm: BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, tổng Coliforms...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 5 m³/ngày. Các thông số ô nhiễm đặc trưng bao gồm: chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công sẽ cuốn theo đất đá, rác, dầu mỡ... xuống hệ thống thoát nước của khu vực. Các thông số ô nhiễm đặc trưng của nước mưa bao gồm: COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc trong phát quang thảm thực vật; từ các phương tiện giao thông vận chuyển cây cối phát quang; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; từ máy móc thi công xúc bốc, san gạt đất tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng tuyến đường hào mở vỉa, hồ lắng, rãnh thoát nước với thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CO, NO_x, SO₂, bụi,...

- Bụi phát sinh từ hoạt động xúc bốc, đào đắp đất với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 11 kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật khoảng 84 tấn. Thành phần chủ yếu là thân cây, cành, rễ, lá cây,...

- Chất thải rắn xây dựng như cát, đá, tôn, sấp thép xây dựng,...phát sinh khoảng 2,25kg trong quá trình thi công xây dựng.

- Đất đá phát sinh từ quá trình san gạt, đào đắp khoảng 10.153m³

*** Chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng như dầu mỡ, giẻ lau dính dầu khoảng từ 1,5 đến 2 kg trong cả giai đoạn thi công.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị tham gia thi công, xây dựng; từ các phương tiện vận chuyển.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học khu vực; tác động tới kinh tế-xã hội,...

- Tác động do rủi ro, sự cố: Sự cố sạt lở, sụt lún; sự cố cháy nổ; sự cố do thiên tai sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

*** Nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân khoảng 2,2 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, tổng Coliforms...

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa xe khoảng 5 m³/ngày/1 bãi rửa xe (tại mỗi khu chủ dự án sẽ bố trí một bãi rửa xe phù hợp với kế hoạch khai thác từng khu dự án). Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS).

- Nước mưa chảy tràn trên khai trường cuốn theo đất đá xuống các thủy vực hoặc các vùng đất trũng làm cho nước có độ đục tăng cao và làm bồi lấp các rãnh thoát nước làm cản trở dòng chảy của khu vực. Thông số ô nhiễm đặc trưng: COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS),...

*** Bụi, khí thải:**

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất san lấp; từ hoạt động của máy xúc với thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CO, NO₂, SO₂, bụi.

- Bụi phát sinh từ mặt đường do các phương tiện vận chuyển trên đường; từ quá trình xúc bốc trên khu vực khai thác. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

*** Chất thải rắn thông thường:**

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các bộ, công nhân khoảng 11 kg/ngày.

- Đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển khoảng 2 m³/ngày.

*** Chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại như: Bóng đèn huỳnh quang hỏng; gãy tay, giẻ lau dính dầu mỡ; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thái,...phát sinh khoảng 310kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông vận chuyển, máy móc, thiết bị khai thác như máy xúc, máy ủi,...

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội; tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái; tác động đến giao thông khu vực.

- Tác động do rủi ro, sự cố: Sự cố sạt lở; sự cố do thiên tai; sự cố do sụt lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, đường vận chuyển; sự cố tai nạn lao động, sự cố tai nạn giao thông,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

Xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn thể tích 5m³ để xử lý nước thải. Nước thải sau khi được xử lý qua bể tự hoại đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B sẽ được chảy ra hố lắng theo hệ thống rãnh thoát nước của dự án và thoát ra rãnh thoát nước của khu vực.

*Nước mưa chảy tràn:

- Tạo rãnh thoát nước bao quanh dưới chân đồi dẫn dòng đưa nước về hố lắng để lắng cặn trước khi chảy vào rãnh thoát nước của khu vực, cụ thể:

+ Khu 1: Rãnh thoát nước có chiều dài: 55m, chiều rộng mặt trên rãnh: 1m, chiều cao rãnh: 1m, chiều rộng mặt dưới rãnh: 0,5m. Hố lắng có chiều dài: 5m, chiều rộng: 4m, sâu: 2m.

+ Khu 2: Rãnh thoát nước có chiều dài: 75m, chiều rộng mặt trên rãnh: 1m, chiều cao rãnh: 1m, chiều rộng mặt dưới rãnh: 0,5m. Hố lắng có chiều dài: 5 m, chiều rộng: 4m, sâu: 2m.

+ Khu 3: Rãnh thoát nước có chiều dài: 50m, chiều rộng mặt trên rãnh: 1m, chiều cao rãnh: 1m, chiều rộng mặt dưới rãnh: 0,5m. Hố lắng có chiều dài: 5 m, chiều rộng: 4m, sâu: 2m

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào các hệ thống rãnh thoát nước gây tắc nghẽn, ú đọng.

* Nước thải thi công: Bố trí 02 thùng phi có dung tích 500 lít/thùng để chứa

đựng nước rửa dụng cụ và tận dụng lượng nước này cho việc tưới đập bụi trong khu vực thi công.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án một cách hợp lý, không để ùn tắc giao thông, lưu lượng quá đông.

- Thực hiện tưới nước trên khu vực thi công và trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công (trong bán kính khoảng 2,5km đến khu vực dự án) để giảm thiểu bụi với tần suất từ 2 đến 4 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng (không thực hiện tưới nước vào ngày mưa). Tiêu chuẩn tưới nước 0,5 lít/m².

- Có nội quy cho xe khi đi vào khu vực để hạn chế tối đa lượng bụi phát tán vào môi trường không khí như: Trước khi ra khỏi khu vực dự án cần che đậy tránh rơi vãi đất đá trên quá trình vận chuyển; khi chạy qua các khu vực đông dân cư phải chạy chậm để hạn chế đất đá, bụi rơi vãi trên đường (chạy với tốc độ 5km/h); không chế khoảng cách tối thiểu giữa các xe vận chuyển nguyên vật liệu tối thiểu là 200m để hạn chế bụi.

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thiết bị, luôn để các máy móc thiết bị hoạt động trong trạng thái tốt nhất để hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng có hại.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải sinh hoạt:

- + Tuyển dụng công nhân tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà nhằm giảm bớt lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

- + Bố trí 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít/thùng tại khu vực dự án để thu gom, phân loại chất thải tại nguồn. Đối với chất thải có thể tái sử dụng, tái chế như bao bì nhựa, chai lọ,... sẽ được thu gom để bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu. Đối với chất thải còn lại: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 03 ngày/lần.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật: Các loại cây lâm nghiệp được tận thu để bán hoặc cho người dân tận thu để làm củi phục vụ đun nấu và phân bón cho nông nghiệp. Đối với chất thải còn lại: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại chất thải rắn xây dựng:

- + Đối với các loại chất thải như tôn, sắt thép, bao bì...: Được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- + Đối với các loại chất thải như: Đất, cát... : Được tận dụng làm vật liệu

san lấp mặt bằng đường giao thông vào mỏ trong phạm vi khu vực Dự án.

- Đất đá phát sinh từ quá trình san gạt, đào đắp: Chủ dự án sẽ tiến hành vận chuyển đi làm vật liệu san lấp cùng với đất san lấp khai thác tại dự án.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

Bố trí 04 thùng phi có dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu trữ. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại (CTNH) sẽ được dán nhãn tên CTNH, mã CTNH. Chủ Dự án lắp dựng kho chứa CTNH có diện tích 6m², nền xi măng, mái lợp tôn, có cửa, có biển cảnh báo để sử dụng trong quá trình thi công xây dựng cũng như quá trình mỏ hoạt động khai thác. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định cùng với CTNH phát sinh trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động khai thác.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Tổ chức thi công hợp lý (có tiến độ thi công đối với từng hạng mục công trình, thực hiện việc giám sát thi công chặt chẽ).

- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

Sau khi thực hiện các biện pháp trên, tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Tuân thủ phạm vi dự án trong chỉ giới cho phép.

- Để tránh xảy ra mâu thuẫn giữa công nhân xây dựng với người dân địa phương, chủ Dự án áp dụng các biện pháp sau:

+ Ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động tại địa phương;

+ Kết hợp với chính quyền địa phương quản lý công nhân lưu trú trên địa bàn;

- Trong quá trình xây dựng, chủ dự án nghiêm túc thực hiện theo đúng bản vẽ thiết kế, không để đất đá treo sườn tầng. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá nguy cơ có thể xảy ra sụt lún, sạt lở để có phương án xử lý kịp thời.

- Trường hợp xảy ra sạt lở, sụt lún trong quá trình xây dựng cơ bản mỏ, chủ dự án sẽ thực hiện biện pháp: Dừng ngay hoạt động xây dựng cơ bản mỏ; báo cáo cho cán bộ giám sát nhằm kịp thời có phương án xử lý phù hợp đảm bảo an toàn về người và các khu vực giáp ranh; thực hiện việc khảo sát, xác định chiều dài đoạn bị sạt lở; lên phương án gia cố và tiến hành gia cố: Huy động máy móc, thiết bị tiến hành thi công gia cố, dùng máy xúc vỡ mái bờ để làm ổn định địa hình.

- Không để dầu mỡ, giẻ lau máy, thiết bị dễ cháy nổ gần các thiết bị gây cháy. Kiểm soát chặt chẽ các thiết bị có thể phát ra tia lửa để đề phòng nguy cơ cháy nổ.

- Vào những ngày mưa bão, chủ dự án sẽ chủ động tạm dừng hoạt động, yêu cầu tất cả cán bộ công nhân rời khỏi khu vực Dự án trong trường hợp mưa bão, không ở lại khu vực Dự án để tránh các tác động của thiên tai cho đến khi mưa bão đi qua mới hoạt động trở lại.

- Tất cả công nhân tham gia trên công trường xây dựng đều phải được đào tạo về an toàn lao động trước khi tham gia làm việc tại dự án. Các công nhân trực tiếp thi công khai thác máy móc phải được đào tạo thực hành.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân như: Mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang,...và phải có những quy định nghiêm ngặt về sử dụng trang thiết bị bảo hộ trong khu vực công trường.

- Bố trí biển cảnh báo chú ý khu vực công trường tại các điểm đầu nối giao thông vào khu mỏ, tại vị trí ra vào mỏ bố trí biển cảnh báo khu vực công trường, tuyến đường giao thông trong mỏ sẽ bố trí các biển cảnh báo tại các vị trí có nguy cơ mất an toàn giao thông.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Đối với nước thải sinh hoạt:

Ở giai đoạn này, Chủ dự án tiếp tục thuê công nhân tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà, tiếp tục sử dụng 01 nhà vệ sinh tạm có bể tự hoại 3 ngăn có dung tích bể 5m³ ở giai đoạn thi công xây dựng để xử lý nước thải. Nước thải sau khi được xử lý qua bể tự hoại đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B sẽ được chảy ra hố lắng theo hệ thống rãnh thoát nước của dự án và thoát ra rãnh thoát nước của khu vực.

* Đối với nước mưa chảy tràn:

- Chủ dự án tiếp tục sử dụng hệ thống rãnh thoát nước, hố lắng được tạo trong giai đoạn xây dựng cơ bản. Mở khai thác hoàn toàn trên mức nước tự chảy, nên công tác thoát nước mỏ được thực hiện theo phương thức tự chảy, để hướng lượng nước tự chảy vào rãnh thoát nước. Nước mưa chảy tràn chảy vào rãnh thoát nước bao quanh dưới chân đồi, dẫn dòng đưa nước về hố lắng để lắng cặn trước khi chảy ra rãnh thoát nước của khu vực.

- Vào mùa mưa bão, chủ dự án sẽ hạn chế việc khai thác mỏ và thường xuyên kiểm tra toàn bộ hệ thống rãnh thoát nước, hố lắng để phát hiện sự cố, khắc phục kịp thời đảm bảo cho quá trình tiêu thoát nước cho toàn bộ khu mỏ cũng như khu vực xung quanh. Định kỳ 01 tháng/lần thực hiện nạo vét toàn bộ hệ thống rãnh thoát nước, hố lắng.

* Nước thải từ quá trình rửa xe: Nước thải từ quá trình rửa xe được dẫn theo

hệ thống rãnh thoát nước (rãnh đất) có kích thước: Chiều dài 20m, rộng mặt 0,8m, rộng đáy 0,5m, sâu 0,5m. Bố trí 01 hố lắng tại phần cuối rãnh thoát nước có kích thước: dài x rộng x sâu = 1,5m x 1,5m x 1,5m. Nước thải được thu về hố thu sẽ được lắng cặn đất cát, sau đó được thoát ra rãnh thoát nước của khu vực.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trang bị xe tưới nước có dung tích bồn chứa khoảng 5m³. Tiêu chuẩn nước tưới đường 0,5 lít/m² (theo tiêu chuẩn Việt Nam TCXD33-2006).

+ Thực hiện tưới nước trên khu vực khai thác. Công tác tưới nước được thực hiện trong ngày (trừ những ngày mưa) nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí, thời gian tưới và mật độ tưới tùy thuộc vào thời tiết, số lần tưới khoảng 2-4 lần/ngày, tăng lên 4-6 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng.

- Thực hiện phun nước trên đường vận chuyển bắt đầu từ mỏ đến Quốc lộ 37 (trong phạm vi bán kính khoảng 2,5km), nhằm giảm thiểu bụi, thời gian tưới và mật độ tưới nước tùy thuộc vào thực tế vận chuyển và điều kiện thời tiết (không tưới nước vào ngày mưa), số lần tưới nước trung bình khoảng 2-4 lần, tăng lên 5-6 lần vào ngày khô hanh, nắng nóng.

- Các phương tiện vận chuyển đất đi tiêu thụ khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do đất rơi vãi và khuếch tán bụi vào môi trường không khí do tác dụng của gió và đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông và hạn chế rơi vãi.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Bố trí công nhân và xe đi thu dọn đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển nhằm giảm thiểu bụi, tạo cảnh quan, giao thông trên tuyến đường vận chuyển.

- Chủ Dự án sẽ duy tu, bảo dưỡng những đoạn đường chưa đạt yêu cầu cho vận tải nặng thường xuyên đi qua, không đắp đất bù bãi.

- Chủ dự án sử dụng xe có tải trọng từ 15 tấn trở xuống để vận chuyển đất. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường vận chuyển được xác định nguyên nhân do quá trình vận chuyển đất, Chủ dự án bố trí kinh phí, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để kịp thời khắc phục, sửa chữa.

- Chủ Dự án trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: khẩu trang, mũ ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

* Đối với đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển:

- Một phần đất rơi vãi từ quá trình xúc bốc, vận chuyển trên đường sẽ bố trí công nhân thường xuyên thu gom, quét dọn bằng máy gạt kết hợp với thủ công tiếp

tục được sử dụng cho việc làm vật liệu san lấp.

- Không đổ đất quá đầy vượt quá chiều cao của thành xe.
- Bắt buộc các xe vận chuyển đất sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, chằng buộc bạt chặt chẽ.

* Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 02 thùng rác có dung tích 120 lít/thùng có nắp đậy để công nhân bỏ chất thải. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đem đi xử lý theo quy định với tần suất 03 ngày/lần.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 04 thùng phi có dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại. Mỗi thùng chứa CTNH sẽ được dán nhãn tên CTNH, mã CTNH. Các thùng chứa chất thải nguy hại sẽ được lưu chứa tại kho chứa CTNH có diện tích 6m² (kho xung quanh vây tôn, nền xi măng, mái lợp tôn, cửa lưới thép, có biển cảnh báo). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (Tần suất: 01 lần/năm).

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao;
- Máy móc, thiết bị phục vụ khai thác đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn.
- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

- Không khai thác, vận chuyển vào giờ nghỉ trưa (từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút) và vào ban đêm (từ 19 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau) để không gây ảnh hưởng đến những hộ dân sống xung quanh khu vực dự án cũng như những hộ dân sinh sống dọc tuyến đường vận chuyển đất.

Sau khi thực hiện các biện pháp trên, tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.2.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Phương án được lựa chọn thực hiện

* **Đối với khu vực kết thúc khai thác và các taluy bảo vệ:**

- Đối với khu vực kết thúc khai thác: Phần lớn mặt bằng kết thúc đã bằng phẳng theo thiết kế có tổng diện tích 43.655,7m² (sau khi đã trừ diện tích bờ taluy

được củng cố ổn định trong quá trình khai thác 26.466 m^2). Trong đó:

Khu 1: Diện tích $14.329,43 \text{ m}^2$ (cốt kết thúc +27m)

Khu 2: Diện tích $19.031,64 \text{ m}^2$ (cốt kết thúc +27m)

Khu 3: Diện tích $10.294,64 \text{ m}^2$ (cốt kết thúc +24m)

Mặt bằng sau khi kết thúc khai thác bằng phẳng, chỉ còn một số vị trí chưa đáp ứng yêu cầu theo thiết kế kết thúc khai thác như cao hoặc thấp hơn cốt kết thúc khai thác (sai số khai thác) tuy nhiên những sai số này không lớn, do vậy chỉ cần san gạt lại với chiều cao san gạt phù hợp, chiều cao san gạt tại khu vực kết thúc khai thác trung bình $0,2 \text{ m}$, tiến hành san gạt những khu vực chưa theo yêu cầu, tỷ lệ san gạt 30% tổng diện tích kết thúc. Như vậy khối lượng san gạt: $43.655,7 \text{ m}^2 \times 0,2 \text{ m} \times 30\% = 2.619,3 \text{ m}^3$

Quá trình trồng cây sẽ được thực hiện đồng thời với quá trình san gạt, san gạt đến đâu trồng cây đến đó. Diện tích trồng cây trên mặt bằng kết thúc tổng 03 khu cụ thể như sau:

+ Khu 1: diện tích $14.329,43 \text{ m}^2$ (cốt kết thúc +27m) số hố trồng cây phải đào trên khu vực kết thúc khai thác là (mật độ cây 2.200 cây/ha): $1,43 \text{ ha} \times 2.200 \text{ cây/ha} = 3.146 \text{ hố}$.

+ Khu 2: diện tích $19.031,64 \text{ m}^2$ (cốt kết thúc +27m) số hố trồng cây phải đào trên khu vực kết thúc khai thác là (mật độ cây 2.200 cây/ha): $1,9 \text{ ha} \times 2.200 \text{ cây/ha} = 4.180 \text{ hố}$

+ Khu 3: diện tích $10.294,64 \text{ m}^2$ (cốt kết thúc +24m) số hố trồng cây phải đào trên khu vực kết thúc khai thác là (mật độ cây 2.200 cây/ha): $1,02 \text{ ha} \times 2.200 \text{ cây/ha} = 2.244 \text{ hố}$

- Mái taluy bảo vệ được tạo ngay trong quá trình khai thác với góc nghiêng sườn tầng kết thúc 61° , khai thác đến đâu tạo góc nghiêng sườn tầng kết thúc đến đó dùng máy xúc gia cố góc dốc sườn tầng đảm bảo theo thiết kế nhằm giảm bớt chi phí trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường. (*Ở giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường không phải tiến hành gia cố lại các khu vực này*).

Phần diện tích taluy này trong quá trình khai thác đã được gia cố ổn định đảm bảo an toàn tránh sạt lở do đó, ở giai đoạn kết thúc khai thác tiến hành đào hố bổ sung đất màu trồng cây cho toàn bộ mặt taluy, cụ thể như sau:

+ Đối với diện tích mặt taluy bảo vệ kết thúc khu 1 là: $3.748,1 \text{ m}^2$ tương đương $0,374 \text{ ha}$

+ Đối với diện tích mặt taluy bảo vệ kết thúc khu 2 là: $4.175,6 \text{ m}^2$ tương đương $0,417 \text{ ha}$

+ Đối với diện tích mặt taluy bảo vệ kết thúc khu 3 là $2.366,2 \text{ m}^2$ tương đương $0,236 \text{ ha}$

+ Mặt taluy bảo vệ kết thúc tại 3 khu với tổng diện tích là: $10.289,9 \text{ m}^2$ tương đương với $1,029 \text{ ha}$ sẽ được củng cố, đào hố bổ sung đất màu và trồng cây.

+ Số hố trồng cây phải đào trên mặt taluy như sau (mật độ cây 2.200 cây/ha):

$$1,029\text{ha} \times 2.200 \text{ cây} = 2.263 \text{ hố.}$$

* Khai thông hệ thống thoát nước nhằm đảm bảo quá trình tiêu thoát nước, tránh hiện tượng bồi lấp

- Đối với hệ thống rãnh thoát nước, hố lắng, chủ dự án tiến hành nạo vét, khơi thông như sau:

+ Quá trình khai thác đến năm kết thúc rãnh thoát nước đã được san gạt bằng cốt cao địa hình (Khu 1: cốt kết thúc +27m; Khu 2: cốt kết thúc +27m; Khu 3: cốt kết thúc +24m), vì vậy giai đoạn phục hồi, không tiến hành san gạt.

+ Lắp hố lắng: Chủ dự án tận dụng toàn bộ lượng đất bóc từ việc cải tạo đường giao thông và từ quá trình san gạt mặt bằng sau khi kết thúc khai thác để đổ lấp vào hố lắng nhằm tiết kiệm chi phí, tài nguyên đất. Theo thiết kế có 3 hố lắng với diện tích mỗi hố 20m², như vậy tổng diện tích 60m², chiều sâu dự kiến 2m. Tổng khối lượng đất cần lấp 60m² x 2m = 120m³ (Sử dụng 120m³ đất từ quá trình san gạt)

* Tháo dỡ các công trình

- Kho chứa chất thải nguy hại 1 kho diện tích 6m²

- Camera giám sát: 02 chiếc.

- Trạm cân: 01 trạm.

- Nhà văn phòng: 01 nhà

- Nhà vệ sinh: 01 nhà

- Mốc giới: 18 chiếc có kích thước: 0,2m x 0,3m x 0,8m. Khối lượng mốc giới cần tháo dỡ 0,86 m³.

* Cải tạo lại tuyến đường vào khu mỏ

- Tuyến đường đất hiện trạng từ khu II của mỏ ra tuyến đường nhựa có chiều dài là 272 m, rộng 6m: Tiến hành san gạt lại khoảng 50% chiều dài tuyến đường vào mỏ với chiều cao san gạt trung bình 0,3m. Khối lượng san gạt 244,8 m³.

- Đối với tuyến đường nội bộ mỏ nằm trong diện tích mỏ, sẽ được san gạt, cải tạo phục hồi cùng với quá trình cải tạo, phục hồi khu vực kết thúc.

* Lắp đặt biển cảnh báo

Lắp đặt biển cảnh báo tại một số vị trí người dân thường xuyên đi lại qua, dễ quan sát, nguy cơ cao sạt lở, có độ chênh lệch cao, có nguy cơ mất an toàn cụ thể như sau: Cột biển báo bằng ống kẽm φ60, kích thước biển báo 0,6m x 0,6m, chất liệu bằng tôn thép không rỉ, số lượng 18 biển tại các vị trí điểm mốc của dự án.

b. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Biện pháp thi công	Ghi chú
I. Các công trình tháo dỡ					

1	Kho CTNH	m ²	06	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
2	Camera giám sát	Chiếc	02	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
3	Trạm cân	Trạm	01	Thủ công + máy	Tháo dỡ, thu hồi
4	Nhà vệ sinh	Chiếc	01	Thủ công	Trả lại nhà cung cấp
5	Móc giới (18 chiếc)	m ³	0,86	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
6	Nhà văn phòng	Chiếc	01	Thủ công	Tháo dỡ thu hồi
II. San gạt đường giao thông					
1	San gạt tuyến đường đất	m ³	244,8	Thủ công + máy	-
III. San gạt mặt bằng kết thúc khai thác					
1	Kết thúc ở mức cốt +24m, +27m	m ³	2.619,3	Máy	-
IV. Lắp đặt biển báo					
1	Lắp đặt biển cảnh báo	Chiếc	18	Thủ công	-
IV. Đào hố, trồng cây, bổ sung đất màu khu vực kết thúc khai thác và taluy bảo vệ					
1	Diện tích trồng cây trên mặt bằng kết thúc khai thác khu 1 cốt +27m (1,43ha)	Hố	3.146	Thủ công - máy	-
2	Diện tích trồng cây trên mặt bằng kết thúc khai thác khu 2 cốt +27m (1,9ha)	Hố	4.180	Thủ công - máy	-
3	Diện tích trồng cây trên mặt bằng kết thúc khai thác khu 3 cốt +24m (1,02ha)	Hố	2.244	Thủ công + máy	-

4	Diện tích trồng cây trên mặt taluy bảo vệ của 03 khu	Hố	2.263	Thủ công + máy	-
5	Bổ sung đất màu	m ³	319,5	Thủ công	-
V. Nạo vét hệ thống thoát nước, bảo dưỡng duy tu các công trình sau cải tạo					
1	Lắp hồ lắng tại 03 khu vực khai thác	m ³	120	Thủ công - máy	-
2	Duy tu các công trình sau cải tạo	Hệ thống	Toàn bộ khu vực cải tạo, phục hồi	Thủ công - máy	-

c. Kế hoạch thực hiện

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các công việc cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác như sau:

- Tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại, nhà vệ sinh, nhà văn phòng; tháo dỡ Camera giám sát; tháo dỡ trạm cân; tháo dỡ mốc giới; san gạt khu vực kết thúc khai thác; cải tạo tuyến đường đất; lắp đặt biển báo, lắp hồ lắng: Hoàn thành trong thời gian 3 tháng, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

- Trồng và chăm sóc cây trên mặt bằng kết thúc khai thác: Thực hiện trong thời gian 03 năm, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

d. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là: **910.841.000 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm mười triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Do thời gian khai thác của dự án là 3 năm, do đó Chủ dự án phải tiến hành ký quỹ nhiều lần (03 lần), trong đó:

- Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ: $910.841.000 \times 25\% = 227.710.000$ (đồng).

- Số tiền ký quỹ từ năm thứ hai trở đi: $(910.841.000 - 227.710.000)/(3-1) = 341.565.000$ (đồng).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang.

4.2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Bố trí cán bộ phụ trách an toàn mỏ có chuyên môn để thường xuyên theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động khai thác theo đúng kỹ thuật, tránh để sự cố sạt lở đất

xảy ra.

- Công nghệ khai thác đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác:

- + Khai thác theo thứ tự từ trên xuống dưới và tạo các tầng, mặt tầng quy định, hạn chế tối đa khả năng sạt lở xung quanh.

- + Trong quá trình khai thác, không để đất đá treo khai thác đến đâu chủ dự án sử dụng đất thải để gia cố sườn tầng, bờ bao, ngăn chặn sạt lở khi khai thác xuống sâu.

- + Những khu vực tiếp giáp có nguy cơ sạt lở, sụt lún cần củng cố ổn định.

- + Ưu tiên xử lý khu vực có độ cao lớn, vách vĩa thẳng đứng về trạng thái ổn định an toàn trước khi tiến hành khai thác.

- + Trong quá trình khai thác chủ dự án nghiêm túc thực hiện theo đúng thiết kế, tạo độ dốc taluy phù hợp thuận tiện cho việc tiêu thoát nước hạn chế úng đọng làm giảm sự liên kết của đất đá.

- Trường hợp xảy ra sạt lở trong quá trình khai thác của dự án, chủ dự án sẽ thực hiện biện pháp: Dừng ngay hoạt động khai thác, vận chuyển đất; báo cáo cho cán bộ giám sát nhằm kịp thời có phương án xử lý phù hợp đảm bảo an toàn về người và các khu vực giáp ranh; thực hiện việc khảo sát, xác định chiều dài đoạn bị sạt lở; lên phương án gia cố và tiến hành gia cố: Huy động máy móc, thiết bị tiến hành thi công gia cố, dùng máy xúc vỡ mái bờ để làm ổn định địa hình.

- Có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng sạt lở, sụt lún tầng khai thác, bờ moong.

- Các loại xe vận tải phải thường xuyên kiểm tra, kiểm định, tuân thủ các nội quy, quy chế vận tải.

- Vào những ngày mưa bão, chủ dự án sẽ chủ động tạm dừng hoạt động, yêu cầu tất cả cán bộ công nhân rời khỏi khu vực Dự án trong trường hợp mưa bão, không ở lại khu vực dự án để tránh các tác động của thiên tai cho đến khi mưa bão đi qua mới hoạt động trở lại.

- Trong quá trình khai thác phải định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ quy định về phòng cháy.

- Kịp thời tu sửa, cải tạo những đoạn đường bị hư hỏng có xe vận tải của dự án đi qua.

- Chủ dự án cam kết sử dụng xe có trọng tải từ 15 tấn trở xuống để vận chuyển đất đi san lấp. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường được xác định nguyên nhân do quá trình vận chuyển đất đi san lấp thì Công ty sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng, đơn vị quản lý tuyến đường để kịp thời khắc phục, sửa chữa.

- Tất cả công nhân tham gia trên công trường đều được học tập về các quy định an toàn lao động. Các công nhân trực tiếp thi công vận hành máy móc được đào tạo thực hành.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân như mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính mắt,... và có những quy định về sử dụng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Không khí làm việc:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí trong khu vực xây dựng mỏ.
- Thông số giám sát: tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Tần suất giám sát: 01 lần trong quá trình xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN03:2019/BYT, QCVN02:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT.

5.1.2 . Nước thải sinh hoạt:

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án ước tính khoảng 2,2 m³ /ngày, đối chiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và STT 3, phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

5.1.3 . Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2. Quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Không khí làm việc:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực khai thác tại mỗi khu của dự án
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN03:2019/BYT, QCVN02:2019/BYT, QCVN 24:2016/BTYT, QCVN 26:2016/BTYT.

5.2.2 . Nước thải sinh hoạt:

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án ước tính khoảng 2,2 m³ /ngày, đối chiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và STT 3, phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

5.2.3 . Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-

BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Thực hiện đúng quy định pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật liên quan trước khi triển khai dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 793/TTr-TNMT ngày 12/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.